

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của
Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội và các đơn vị trực thuộc**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc,
thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc,
thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản
cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho
doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Thực hiện Công văn số 218/HĐND-KTNS ngày 17 tháng 8 năm 2021 của
Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành tiêu chuẩn, định
mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Sở Giáo dục và Đào tạo;*

*Theo đề nghị tại Tờ trình số 2487/TTrLS:TC-GDĐT ngày 11 tháng 5 năm
2022 của Liên Sở: Tài chính - Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 1075/SGDĐT-
KHTC ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo; ý kiến thẩm định
của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 96/BC-STP ngày 28 tháng 4 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của khối Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối tượng áp dụng:

Khối Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng:

Đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 01, 02 và 03 kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a. Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, hồ sơ, chủng loại, số lượng và thuyết minh, giải trình khi đề xuất tiêu chuẩn, định mức đối với các danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng thực tế, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

b. Đảm bảo nguồn lực về tài chính và nhân lực để đầu tư, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị chuyên dùng được trang bị theo tiêu chuẩn, định mức.

c. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức, triển khai thực hiện đầu tư, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo tiêu chuẩn, định mức được phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

d. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức trong đầu tư, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

thuộc phạm vi quản lý; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Sở Tài chính:

Hướng dẫn hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền hướng dẫn, xử lý khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật liên quan.

3. Kho bạc Nhà nước Hà Nội:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đã được phê duyệt để thực hiện kiểm soát chi ngân sách Nhà nước theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2022.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Tài chính, GD&ĐT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch TT Lê Hồng Sơn;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố: Hà Minh Hải, Chữ Xuân Dũng;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Giao tiếp điện tử Thành phố;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KTTH, TH, TTTHCB;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chữ Xuân Dũng

**PHỤ LỤC 01: TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
CỦA KHỐI VĂN PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số 30 /2022/QĐ-UBND ngày 25 / 7 /2022 của UBND Thành phố)

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG		116	
A.	Bộ phận Văn phòng Sở			
1	Máy photocopy chuyên dùng	chiếc	2	
2	Máy phối trang, sắp xếp tài liệu	chiếc	1	
B.	Phục vụ thi, tuyển sinh và quản lý văn bằng			
I.	Phục vụ Hội đồng in sao đề thi			
1	Máy tính xách tay phục vụ ra đề các môn thi	chiếc	20	
2	Máy tính xách tay phục vụ trộn mã đề thi	chiếc	2	
3	Máy in siêu tốc phục vụ in sao đề thi	chiếc	9	
4	Máy photocopy phục vụ in sao đề thi	chiếc	2	
5	Máy phối trang, sắp xếp tài liệu, đề thi	chiếc	9	
II.	Phục vụ tuyển sinh đầu cấp: mầm non; lớp 1; lớp 6; lớp 10			
1	Máy tính để bàn phục vụ tuyển sinh trực tuyến đầu cấp	bộ	2	
2	Máy tính để bàn phục vụ chấm thi trắc nghiệm	bộ	18	
3	Máy quét bài thi trắc nghiệm	chiếc	8	
4	Máy chủ phục vụ quản lý phần mềm chấm thi trắc nghiệm	chiếc	1	
III.	Phục vụ thi tốt nghiệp THPT			
1	Máy tính xách tay chuyên dùng phục vụ gieo phách	chiếc	2	
2	Máy chủ quản lý phần mềm chấm thi trắc nghiệm	chiếc	1	
3	Máy tính để bàn phục vụ chấm bài thi trắc nghiệm	bộ	24	
4	Máy quét bài thi trắc nghiệm	chiếc	12	
IV.	Phục vụ quản lý văn bằng			
1	Bộ máy tính để bàn và máy in màu phục vụ quản lý văn bằng, chứng chỉ	bộ	1	
2	Bộ máy tính để bàn và máy in màu phục vụ in bằng tốt nghiệp THPT	bộ	2	

PHỤ LỤC 02: TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI (CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT)

Chủng loại: Thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 30 /2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND Thành phố)

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 10	bộ	Trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đó phải đảm bảo các điều kiện: - Dù tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. - Chỉ trang bị máy móc, thiết bị thuộc trách nhiệm mua sắm, trang bị của cơ sở giáo dục (cho trường, lớp và giáo viên), không bao gồm tài sản thuộc trách nhiệm mua sắm, trang bị của phụ huynh học sinh.	
2	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 11	bộ		
3	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 12	bộ		

PHỤ LỤC 03: TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI (CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT)

Chung loại: Thiết bị không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 30 /2022/QĐ-UBND ngày 25/ 7 /2022 của UBND Thành phố)

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	Thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp, khu ở nội trú phục vụ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và học sinh			
	<i>Khu nhà bếp, nhà ăn (tính cho bếp 500 suất ăn)</i>			
1	Hệ thống cấp nước sạch (bao gồm cả máy lọc nước)	hệ thống	1	
2	Hệ thống hút mùi bếp	hệ thống	1	
	* Loại bếp lò hơi:			
3	Hệ thống nồi nấu canh hai vỏ	hệ thống	1	
4	Hệ thống chảo xào hai vỏ	hệ thống	1	
5	Hệ thống tủ cơm công nghiệp 24 khay	hệ thống	2	
6	Hệ thống đun nước nóng $V = 500$ lít Inox, phía trong có ruột gà gia nhiệt	hệ thống	1	
7	Hệ thống đường ống + phụ kiện từ nồi hơi đến chảo, nồi nấu cơm, nấu canh	hệ thống	1	
8	Bộ van giảm áp bypass	bộ	1	
	* Loại bếp khác (bếp dùng ga, bếp từ, bếp hồng ngoại...)			
9	Bếp nấu	bộ	3	
10	Tủ cơm ga hay điện (100 kg)	chiếc	2	
	* Thiết bị nhà bếp khác:			
11	Máy xay thịt công nghiệp	chiếc	2	
12	Máy thái củ quả	chiếc	2	
13	Máy sấy bát	chiếc	4	
14	Máy giặt, sấy khăn ăn	chiếc	1	
15	Tủ, giá kệ để bát và xoong nồi	chiếc	10	
16	Tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm	chiếc	1	
17	Tủ đông	chiếc	1	
II	Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng (tính cho 01 trường)			
1	Máy in siêu tốc	bộ	1	
2	Máy chấm thi trắc nghiệm	bộ	1	
III	Máy tính, phương tiện kết nối mạng máy tính, các phần mềm hỗ trợ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học, các thiết bị nghe nhìn, hệ thống bàn, ghế, bảng, tủ/giá, kệ được lắp đặt trong các phòng học và các phòng chức năng			
1	<i>Phòng học thông thường (tính cho 01 phòng)</i>			
1	Bảng viết chống lóa bao gồm hệ thống (nếu cần)	bộ	1	
	* Phòng ứng dụng công nghệ dạy học đa năng:			
2	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
3	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
4	Thiết bị âm thanh (hệ thống loa, amply, mic...)	bộ	1	
	* Dùng cho trường chất lượng cao, hội nhập quốc tế (bổ sung):			
5	Bang tương tác thông minh	bộ	1	
6	Máy chiếu vật thể	bộ	1	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Phòng họp (tính cho 01 phòng)			
1	Hệ thống bảng hội trường	bộ	1	
2	Máy chiếu, màn chiếu cấu hình cao	bộ	1	
3	Tivi	chiếc	1	
4	Thiết bị âm thanh (loa, âm ly, mic)	bộ	1	
5	Ôn áp	chiếc	1	
3	Phòng sinh hoạt tổ chuyên môn (tính cho 01 phòng)			
1	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
4	Phòng học bộ môn			
4.1	Phòng bộ môn Âm nhạc (tính cho 01 phòng)			
1	Bộ nhạc cụ (dàn piano, đàn organ, bộ ghita thùng, hệ thống bộ gõ...)	bộ	1	
2	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
3	Hệ thống âm thanh	bộ	1	
4	Hệ thống cách âm	bộ	1	
5	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
4.2	Phòng bộ môn Mỹ thuật (tính cho 01 phòng)			
1	Bục, bệ bày mẫu vẽ	bộ	1	
2	Mẫu vẽ các loại	bộ	1	
3	Thiết bị, dụng cụ mỹ thuật	bộ	1	
4	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	chiếc	1	
5	Máy tính xách tay	bộ	1	
6	Máy chiếu vật thể	bộ	1	
7	Thiết bị âm thanh	bộ	1	
4.3	Phòng Khoa học - Công nghệ (tính cho 01 phòng)			
1	Bàn học công nghệ của học sinh (4 chỗ)	bộ	12	
2	Hệ thống tủ điều khiển trung tâm	bộ	1	
3	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
4	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
5	Thiết bị âm thanh (hệ thống loa, amly, mic...)	bộ	1	
	* Dùng cho trường chất lượng cao, hội nhập quốc tế (bổ sung):			
6	Bảng tương tác thông minh	bộ	1	
7	Máy chiếu vật thể	bộ	1	
8	Máy in chi tiết 3D chuyên dụng	bộ	1	
4.4	Phòng Tin học (tính cho 01 phòng)			
1	Máy tính để bàn cho học sinh	bộ	45	
2	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
3	Hệ thống tủ điều khiển trung tâm	bộ	1	
4	Bảng viết chống lóa bao gồm hệ thống (nếu cần)	bộ	1	
5	Ôn áp (dùng cho phòng)	chiếc	1	
6	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
	* Dùng cho trường chất lượng cao, hội nhập quốc tế (bổ sung):			
7	Bảng tương tác thông minh	bộ	1	
8	Máy chiếu vật thể	bộ	1	
4.5	Phòng Ngoại ngữ (tính cho 01 phòng)			
1	Bảng viết chống lóa bao gồm hệ thống (nếu có)	bộ	1	
2	Bảng tương tác thông minh	bộ	1	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
3	Máy chiếu cự ly gần	bộ	1	
4	Máy chiếu vật thể	bộ	1	
5	Máy tính xách tay	chiếc	1	
6	Hệ thống âm thanh phòng học (Âm ly, loa, micro...)	bộ	1	
4.6	Phòng học bộ môn Vật lý (tính cho 01 phòng)			
1	Bàn thí nghiệm của học sinh (4 chỗ, gồm hệ thống điện và công lắp đặt)	chiếc	12	
2	Bảng viết chống lóa bao gồm hệ thống (nếu cần)	bộ	1	
3	Hệ thống tủ điều khiển trung tâm	bộ	1	
4	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
5	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
6	Thiết bị âm thanh (hệ thống loa, amly, mic...)	bộ	1	
	* Dùng cho trường chất lượng cao, hội nhập quốc tế (bổ sung):			
7	Bảng tương tác thông minh	bộ	1	
8	Máy chiếu vật thể	bộ	1	
4.7	Phòng học bộ môn Hoá học (tính cho 01 phòng)			
1	Bàn thí nghiệm của học sinh (4 chỗ, gồm hệ thống)	chiếc	12	
2	Bảng viết chống lóa bao gồm hệ thống (nếu cần)	bộ	1	
3	Hệ thống tủ điều khiển trung tâm	bộ	1	
4	Tủ làm thí nghiệm	chiếc	1	
5	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
6	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
7	Thiết bị âm thanh (hệ thống loa, amly, mic...)	bộ	1	
	* Dùng cho trường chất lượng cao, hội nhập quốc tế (bổ sung):			
8	Bảng tương tác thông minh	bộ	1	
9	Máy chiếu vật thể	bộ	1	
	* Phòng chuẩn bị:			
10	Tủ đựng hóa chất có hút mùi	chiếc	2	
11	Tủ đựng hóa chất chuyên dụng hút mùi, khử khí độc	chiếc	2	
12	Tủ sấy	chiếc	1	
4.8	Phòng học bộ môn Sinh học (tính cho 01 phòng)			
1	Bàn thí nghiệm của học sinh (4 chỗ, gồm hệ thống)	chiếc	12	
2	Bảng viết chống lóa bao gồm hệ thống (nếu cần)	bộ	1	
3	Hệ thống tủ điều khiển trung tâm	bộ	1	
4	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
5	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
6	Thiết bị âm thanh (hệ thống loa, amly, mic...)	bộ	1	
	* Dùng cho trường chất lượng cao, hội nhập quốc tế (bổ sung):			
7	Bảng tương tác thông minh	bộ	1	
8	Máy chiếu vật thể	bộ	1	
	* Phòng chuẩn bị:			
9	Tủ đựng hóa chất hút mùi	chiếc	2	
10	Tủ sấy	chiếc	1	
4.9	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (tính cho 01 phòng)			
1	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
2	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
5	Thư viện			

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
	* Phòng đọc của giáo viên:			
2	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	5	
	* Phòng thư viện học sinh:			
3	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	5	
6	Phòng đa chức năng (tính cho 01 phòng)			
1	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
2	Bang viết chống lóa bao gồm hệ thống (nếu có)	bộ	1	
3	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
4	Máy chiếu vật thể	bộ	1	
5	Thiết bị âm thanh (hệ thống loa, amply, mic...)	bộ	1	
7	Phòng hoạt động Đoàn đội (tính cho 01 phòng)			
1	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
8	Phòng Truyền thống (tính cho 01 phòng)			
1	Sa bàn	chiếc	1	
2	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
9	Phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập (tính cho 01 phòng)			
1	Bàn ghế khách (bộ 6 người)	bộ	1	
2	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
IV	Thiết bị phục vụ cho công tác y tế trường học (tính cho 01 phòng y tế)			
1	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) phục vụ phòng y tế	bộ	1	
2	Tủ thuốc chuyên dụng y tế	chiếc	1	
3	Tủ lạnh đựng thuốc	chiếc	1	
4	Thiết bị đo thị lực (gồm bảng, kính thử hoặc máy đo)	bộ	1	
5	Thiết bị y tế khám bệnh	bộ	1	
	* Dùng cho trường chất lượng cao, hội nhập quốc tế (bổ sung):			
6	Giường gấp chuyên dụng	chiếc	2	
7	Tủ sấy hấp dụng cụ y tế	chiếc	1	
V	Thiết bị, dụng cụ hoạt động thể dục thể thao trường học			
1	Sân chơi, bãi tập (tính cho 01 trường)			
1	Xà đơn	chiếc	4	
2	Xà kép	chiếc	4	
3	Máy tập lưng bụng	chiếc	3	
4	Thang cầu vồng	chiếc	3	
5	Gôn bóng đá	bộ	2	
6	Trụ cột Bóng rổ di động	bộ	2	
7	Hệ thống chậu rửa tay	hệ thống	1	
2	Nhà tập đa năng (tính cho 01 nhà)			
1	Thiết bị âm thanh	bộ	1	
2	Thiết bị cho môn bóng bàn	chiếc	2	
3	Thiết bị cho môn cầu lông	chiếc	3	
4	Thiết bị cho môn học khác	chiếc	5	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
5	Trang trí pano, tranh ảnh	bộ	1	
6	Sân khấu di động	bộ	1	
VI	Thiết bị phục vụ cho các trường chuyên biệt			
1	Dùng cho trường chuyên (tính cho 01 trường)			
	* Hội trường lớn (dùng cho trường chuyên và các đơn vị có hội trường lớn) - tính cho 01 Hội trường:			
1	Hệ Thống âm Thanh	hệ thống	1	
2	Hệ Thống ánh sáng	hệ thống	1	
3	Hệ thống màn hình led	hệ thống	1	
4	Bộ Máy chiếu màn chiếu (chuyên dùng)	bộ	2	
5	Máy tính xách tay cấu hình cao	chiếc	1	
2	Dùng cho trường chất lượng cao, hội nhập quốc tế (tính cho 01 phòng)			
	* Phòng Robocon:			
1	Bàn ghế (bao gồm hệ thống)	bộ	7	
2	EV3 bộ cơ bản	bộ	7	
3	Thư thách không gian	bộ	2	
4	Thành Phố Xanh	bộ	2	
5	Bộ Kỹ Sư Cơ Khí	bộ	7	
6	Bộ Tài Tạo Năng Lượng	bộ	7	
7	Sân đấu	bộ	1	
8	Phần mềm giảng dạy	bộ	1	
	* Phòng thí nghiệm Vật lý:			
9	Bàn thí nghiệm lý học sinh	chiếc	6	
10	Bàn giáo viên	chiếc	1	
11	Hệ thống bang viết điều chỉnh lên xuống	bộ	1	
12	Thiết bị đo vận tốc, gia tốc, động lực...	bộ	2	
13	Máy dò chuyển động.	bộ	2	
14	Bê phông và đo thời gian hạ cánh.	bộ	1	
15	Máy đo tốc độ falsh	chiếc	1	
16	Bàn lực.	chiếc	2	
17	Súng dò vận tốc.	chiếc	1	
18	Dụng cụ thí nghiệm quay quán tính.	bộ	2	
19	Bánh xe quay.	chiếc	1	
20	Dụng cụ phân tích quang phổ	bộ	1	
21	Thiết bị thí nghiệm khúc xạ và phản xạ	bộ	1	
22	Gương lớn.	chiếc	1	
23	Công cụ phân tích nhiễu xạ	bộ	1	
24	Dụng cụ đo sóng âm	bộ	2	
25	Hộp cộng hưởng và thiết bị điều chỉnh tần số.	bộ	1	
26	Bộ thí nghiệm âm thanh và sóng âm	bộ	1	
27	Bộ thí nghiệm gây nhiễu âm thanh và sóng âm.	bộ	1	
28	Máy phát điện.	chiếc	1	
29	Thiết bị cầm tay biến áp.	bộ	1	
30	Bộ thí nghiệm tổng quan.	bộ	2	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
31	Bộ hiển thị dòng điện	bộ	1	
32	Bộ thí nghiệm từ trường của Louis	bộ	1	
33	Lõi dây đồng	cuộn	1	
34	Bộ thí nghiệm luật GAS	bộ	1	
35	Máy bơm hút chân không điện.	chiếc	1	
36	Bộ thí nghiệm khám phá năng lượng.	bộ	1	
37	Bộ thí nghiệm tái tạo năng lượng.	bộ	1	
38	Đĩa khái niệm vật lý	bộ	1	
39	Cân điện tử	chiếc	2	
40	Máy hẹn giờ tạo tia lửa điện.	bộ	2	
41	Máy cắt, tạo lỗ	bộ	1	
42	Bảng hiển thị sóng âm.	bộ	2	
43	Bộ thiết bị hỗ trợ điều chỉnh điện áp.	bộ	1	
	* Phòng thí nghiệm Hóa, Sinh:			
44	Bàn ghế giáo viên chuyên dụng	chiếc	1	
45	Hệ thống bảng viết điều chỉnh lên xuống	bộ	1	
46	Hệ thống ga	bộ	1	
47	Cân bằng Kỹ thuật Số của Adam Equipment - CQT 202	chiếc	3	
48	Cân chỉnh xác PGL 203	chiếc	1	
49	Máy chưng cất, 500ml	chiếc	1	
50	Phân tích Tần số lớp học Kit	chiếc	1	
51	Máy trộn từ tính / Thanh khuấy	chiếc	6	
52	Bơm chân không điện	chiếc	1	
53	Tu dụng hóa chất chuyên dụng	chiếc	2	
54	Cảm biến áp suất và nhiệt độ	chiếc	1	
55	Kính hiển vi điện tử	chiếc	1	
	* Thiết bị khác:			
56	Máy in 3D	chiếc	1	
57	Khắc cắt kim loại lẫn phi kim	chiếc	1	
58	Thiết bị phòng thu âm, thu hình	bộ	1	
3	Trường chuyên biệt đặc thù			
3.1	Trường PTCS Xã Đàn			
1	Máy đo nhĩ lượng	bộ	1	
2	Máy đo thành lực đơn âm	bộ	1	
3	Cabin đo thành lực	bộ	1	
3.2	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu			
1	Máy in chữ nổi	bộ	1	
2	Máy in nhiệt	chiếc	1	
3	Máy phóng to chữ	chiếc	1	
VII	Thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động dạy và học			
1	Phòng thiết bị giáo dục (tính cho 01 phòng)			
1	Máy tính (để bàn hoặc xách tay) cho giáo viên	bộ	1	
2	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	2	
3	Máy chiếu vật thể	bộ	1	

Stt	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng (tối đa)	Ghi chú
1	2	3	4	5
2	Nhà văn hóa (tính cho 01 nhà nếu có)			Chỉ áp dụng cho Trường phổ thông dân tộc nội trú
1	Thiết bị âm thanh	bộ	1	
2	Bộ nhạc cụ (trống, đàn ghi ta, piano)	bộ	1	Trường hợp đã trang bị phục vụ sinh hoạt tập thể, hoạt động chung của Nhà trường thì không trang bị tại nhà văn hóa
3	Máy chiếu đa năng (hoặc Màn hình hiển thị)	bộ	1	
4	Ti vi	bộ	1	
3	Máy móc, thiết bị phục vụ sinh hoạt tập thể, hoạt động chung của Nhà trường			
1	Thiết bị âm thanh	bộ	1	
2	Máy quay	bộ	2	
3	Máy tính xách tay	chiếc	2	
4	Bộ nhạc cụ (trống, đàn ghi ta...)	bộ	1	Trường hợp đã trang bị phục vụ Nhà văn hóa thì không trang bị phục vụ sinh hoạt tập thể, hoạt động chung của Nhà trường
5	Máy phát điện	bộ	1	

